TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 35, 26/08 – 30/08/2024

"Nhịp nghỉ ngơi"

Tiêu điểm:

- Tính đến ngày 26 tháng 8, tổng mức tăng trưởng tín dụng đạt 6.63% so với cuối năm 2023, thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng đặt ra là 15% cho cả năm.
- NHNN đã có văn bản cho phép các tổ chức tín dụng có tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt từ 80% chỉ tiêu sẽ được chủ động điều chỉnh tăng thêm dư nợ mà không cần đề nghị cơ quan quản lý.
- Nvidia công bố kết quả kinh doanh Q2/2024 vượt kỳ vọng, tuy nhiên thị trường Mỹ phản ứng không mấy tích cực bởi doanh thu Q3/2024 của Nvidia dự kiến thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường.

Đánh giá: Tuần vừa qua, thị trường chứng khoán Việt Nam ít biến động, diễn biến khá đồng thuận với các thị trường chứng khoán toàn cầu. Chúng tôi cho rằng điều này là hợp lý bởi: (1) Mức giảm mạnh trên thị trường chứng khoán toàn cầu gây ra bởi tâm lý bi quan với sự kiện lãi suất thị trường Nhật Bản đã được bù đắp lại bởi nhịp tăng của 2 tuần gần nhất và (2) Dòng tiền đang cần những thông tin quan trọng để quyết định vị thế. Chúng tôi cho rằng VNIndex sẽ tiếp tục vận động đi ngang với mức biến động nhỏ nhằm chờ đợi những thông tin quan trọng để đánh giá triển vọng của thị trường như: Dữ liệu kinh tế vĩ mô Việt Nam vào ngày 06/09, hành động của FED sau cuộc họp vào 17-18/09…

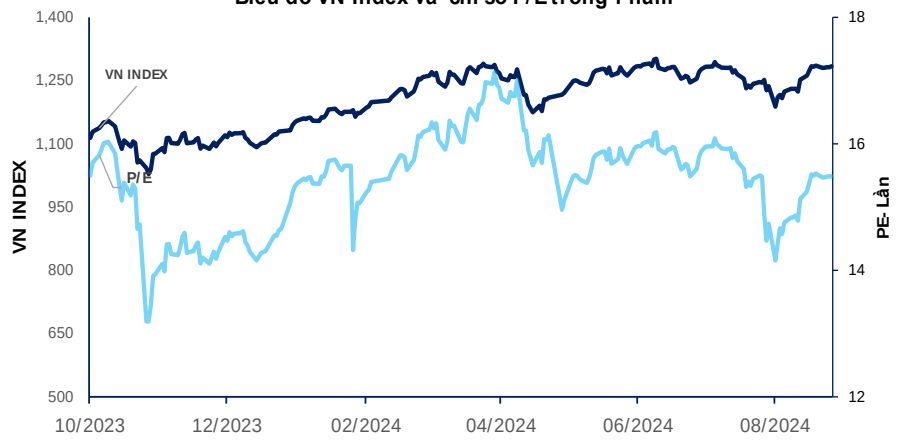
Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tuần tại 1,283.8 (-1.45 điểm, -0.1%), thị trường đi ngang với thanh khoản giảm mạnh cùng với biên độ biến động hẹp. Xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang được bảo toàn và VN-Index sẽ bị thử thách lại tại vùng kháng cự 1,290 – 1,300 điểm.

Ý tưởng đầu tư: Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư có thể mua vào cổ phiếu với tỷ trọng vừa phải, chờ đợi những thông tin quan trọng như đã đề cập. Nhóm cổ phiếu đáng chú ý là nhóm ngành Ngân hàng, đặc biệt là những ngân hàng có thể hưởng lợi từ việc gia tăng dư nợ nhờ tăng trưởng tín dụng từ đầu năm tốt.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,284	-0.1	3.1	1.4	13.6		15.5	1.7	212
Upcom Index	94	-0.3	-1.1	-1.7	8.2		12.6	1.3	59
HNX Index	238	-1.0	0.7	-2.6	2.8		16.0	1.2	12
VN30 Index	1,332	0.8	3.4	4.1	17.7		12.3	1.7	148
S&P 500 Index	5,592	-0.8	2.9	6.8	17.2		25.4	5.0	48,885
STOXX Europe 600 Index	526	1.6	2.4	1.9	9.9		15.8	2.1	15,134
Hang Seng	17,989	2.1	5.8	-1.3	5.5		9.5	1.0	2,683
Nikkei 225	38,648	0.7	0.3	1.6	15.5		23.4	2.1	4,790
SHCOMP Index	2,842	-0.4	-1.3	-8.1	-4.5		13.3	1.2	6,148
STI Index	3,437	1.4	-0.1	3.4	6.1		12.5	1.2	396
KOSPI Index	2,674	-1.0	-2.3	1.5	0.7		14.8	0.9	1,578

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 5808 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.0	4.0	3.1	16.1	-12.2	-0.9	-8.0	-17.6	83.3	2.8	13.7	1.8	4,653,009
Mid Cap	-0.7	0.8	-0.7	17.5	-27.9	-18.9	-39.1	-41.8	15.7	-2.8	18.9	1.3	557,185
Small Cap	-0.8	-3.2	-6.2	-7.4	-17.3	-21.8	-47.3	-48.5	1.0	0.0	-187.7	0.7	61,668

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bất động sản	1.9	5.3	0.3	-0.6	-4.0	21.9	20.0	-6.2	22.9	2.7	17.1	1.1	745,919
Dược và Y tế	1.0	-1.2	0.3	11.2	-18.8	0.7	-25.2	14.5	0.3	0.0	16.8	2.3	38,296
Công nghệ Thông tin	1.0	4.4	12.5	56.2	-31.1	-38.3	-57.2	-35.5	2.9	-0.7	28.0	5.4	214,347
Du lịch và Giải trí	0.8	-1.7	-11.1	21.5	-12.3	-27.7	-48.9	-32.2	0.9	0.0	40.2	10.4	117,328
Hóa chất	0.0	2.9	-2.1	41.2	-26.8	-16.6	-35.0	-27.9	4.9	-0.8	25.2	4.1	251,101
Ngân hàng	-0.1	4.0	5.6	19.6	-9.8	-0.1	-12.8	-21.9	20.7	1.2	9.6	1.6	2,056,115
Thực phẩm và đồ uống	-0.4	4.4	3.7	7.3	-15.7	-26.2	-23.5	-26.8	8.3	-0.1	23.9	2.3	457,353
Xây dựng và vật liệu	-0.5	-1.7	-6.7	-1.5	-33.7	-23.3	-36.7	-53.1	3.2	-0.9	17.7	1.2	124,671
Tài chính	-0.6	10.3	-3.6	11.8	-1.0	27.3	22.9	-14.2	15.3	2.2	18.9	1.5	202,623
Bán lẻ	-0.7	9.1	7.2	55.4	-21.6	-14.6	-16.7	-16.9	4.8	-0.4	50.0	4.0	144,580
Dầu khí	-1.0	2.6	10.5	29.3	-39.9	-36.7	-34.2	-38.4	1.0	-0.4	21.0	2.7	77,010
Tiện ích	-1.1	3.4	2.2	10.6	-39.7	-37.1	-46.8	-30.4	1.6	-0.6	23.5	2.0	328,749
Ô tô & Phụ tùng	-1.2	-5.1	-3.3	11.8	-36.1	-25.0	-51.7	-48.5	0.3	-0.1	15.1	1.2	16,341
Bảo hiểm	-1.8	3.2	0.1	14.8	-35.0	-7.3	-38.8	-18.6	0.3	-0.1	14.4	1.4	46,760
Tài nguyên cơ bản	-2.0	-8.0	-10.1	-0.3	-27.1	-15.4	-26.5	-33.0	6.1	-1.0	6.9	1.4	209,669
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-2.2	4.2	4.5	30.5	-30.1	-29.5	-52.3	-51.7	4.0	-0.8	17.5	1.5	165,000
Truyền thông	-4.0	-3.5	-1.0	-23.3	-23.7	-0.3	-40.3	-37.8	0.1	0.0	21.2	0.8	1,641
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.3	1.3	2.6	19.8	-20.9	12.1	3.5	20.6	2.5	-0.2	15.0	1.9	63,883

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,834**	-20.0	-105.9	-365.1	-718.3
Nước ngoài	**1,910**	-19.1	-90.9	-351.3	-456.5
VanEck Vectors Vietnam ETF	502	0.0	-6.7	-11.9	58.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	667	-14.4	-38.0	-120.5	-108.2
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	223	-5.5	-34.7	-189.4	-401.9
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	295	0.8	4.2	-15.4	17.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	202	0.0	-15.6	-14.1	-16.7
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**924**	-0.8	-15.1	-13.8	-261.8
DCVFMVN Diamond ETF	567	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	293	0.0	-13.3	-4.2	-103.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	24	-1.2	-2.1	-9.6	-156.9
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.0	-0.3	-2.2
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	0.0	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.3	0.3	0.3	2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-26,000	-14,623	-17,979
Ấn độ	622	-518	2,829	3,179
Indonesia	252	1,125	1,537	1,110
Nhật Bản*	-3,036	-4,181	-3,654	35,383
Maylaysia	251	491	773	600
Philippines	44	149	209	-318
Hàn Quốc	-1,253	-1,808	-568	16,560
Sri Lanka	0	0	12	-17
Đài Loan	-1,741	-2,353	-13,915	-9,533
Thái Lan	128	-77	-124	-3,355
Việt Nam	-35	-130	-454	-2,131

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

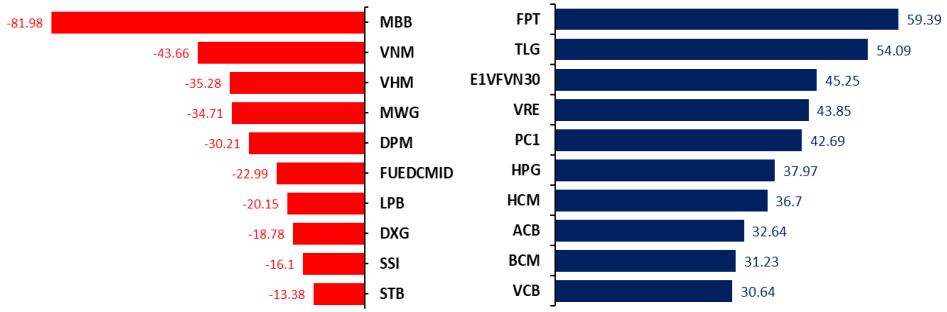
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

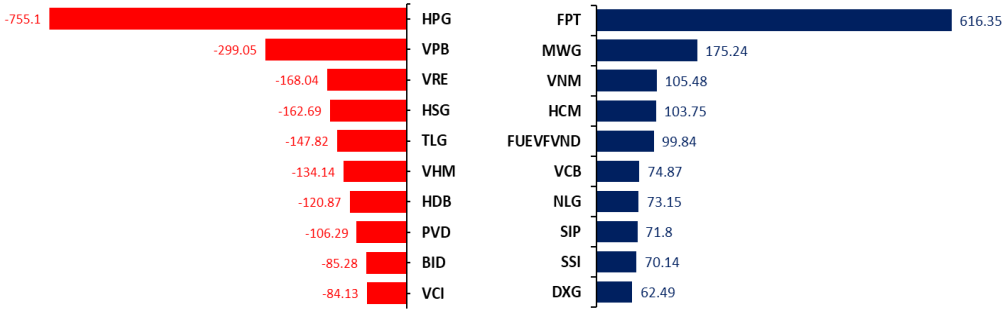
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	68	-88	52	37
Tài nguyên Cơ bản	39	-719	764	-45
Truyền thông	0	-2	2	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27	-48	110	-63
Y tế	0	4	-4	0
Hóa chất	-42	-77	55	22
Dịch vụ tài chính	68	41	-136	96
Du lịch và Giải trí	10	-2	-144	146
Ngân hàng	-40	-357	119	238
Xây dựng và Vật liệu	44	-18	2	17
Thực phẩm và đồ uống	-19	79	-76	-3
Bán lẻ	-9	96	-25	-71
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14	21	-40	18
Hàng cá nhân & Gia dụng	64	-142	185	-43
Công nghệ Thông tin	60	418	-529	112
Ô tô và phụ tùng	-12	17	-10	-7
Bảo hiểm	2	-6	8	-2
Dầu khí	-4	-77	115	-38
Tổng	271	-861	446	415

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MDG	Xây dựng và Vật liệu	10.05 - 17.65	11.5	-13.5%
2	PMG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.58 - 10.20	6.9	-13.2%
3	ITA	Bất động sản	3.20 - 7.50	3.5	-10.2%
4	S4A	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	30.30 - 45.25	35.8	-8.9%
5	NTL	Bất động sản	11.00 - 28.95	22.5	-7.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.5%	267.0	176.00 - 285.50	Thực phẩm và đồ uống	VCF
14.8%	7.8	6.50 - 12.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NO1
12.9%	42.0	17.10 - 42.50	Bất động sản	SGR
11.4%	20.5	13.90 - 20.50	Thực phẩm và đồ uống	NAF
10.3%	42.0	10.65 - 21.90	Bất động sản	FDC

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BXH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.20 - 26.60	15.6	-32.2%
2	TPH	Truyền thông	10.10 - 17.20	11.4	-26.5%
3	HBS	Dịch vụ tài chính	6.30 - 12.90	9.7	-20.5%
4	SDC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.90 - 10.20	7.6	-17.4%
5	HMR	Xây dựng và Vật liệu	7.30 - 46.90	9.8	-14.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
53.7%	6.3	3.20 - 6.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	KSD
34.6%	49.0	27.90 - 49.10	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BTW
30.5%	23.1	3.30 - 23.10	Thực phẩm và đồ uống	CTP
21.4%	6.8	5.20 - 8.80	Tài nguyên Cơ bản	KKC
14.0%	24.4	17.70 - 37.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMS

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SJM	Xây dựng và Vật liệu	3.60 - 12.70	6.0	-29.4%
2	EME	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.50 - 47.10	22.5	-28.6%
3	MA1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.00 - 67.70	51.5	-23.9%
4	SHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.70 - 28.70	11.9	-23.7%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	8.50 - 25.00	10.8	-23.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
74.6%	11.7	4.80 - 16.50	Thực phẩm và đồ uống	BBM
72.7%	115.0	47.50 - 115.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VFC
40.0%	0.7	0.40 - 0.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	MPT
31.7%	10.8	6.00 - 15.70	Tài nguyên Cơ bản	TNB
31.6%	5.0	3.60 - 5.80	Thực phẩm và đồ uống	ITS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TMP	Thủy điện Thác Mơ	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	241.9	1,691.7	68.9	53.10 - 76.50	-0.1
2	PHR	Cao su Phước Hòa	Hóa chất	16,643.6	124.1	59.5	41.80 - 65.90	4.9
3	VIC	VinGroup	Bất động sản	176,095.4	109.7	44.2	38.70 - 64.10	6.4
4	CHP	Thủy điện Miền Trung	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	677.0	90.4	35.0	23.00 - 35.35	1.0
5	EIB	Eximbank	Ngân hàng	104,474.8	59.7	18.6	16.25 - 22.37	-1.6
6	HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	7,576.8	47.1	5.2	4.55 - 10.45	8.8
7	HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	Thực phẩm và đồ uống	9,848.2	46.1	4.4	3.35 - 5.73	4.8
8	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	20,110.6	37.3	52.7	45.55 - 58.10	-7.4
9	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	435.1	37.3	14.0	11.10 - 17.15	0.7
10	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Thực phẩm và đồ uống	88,849.7	36.0	10.7	7.44 - 15.30	2.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

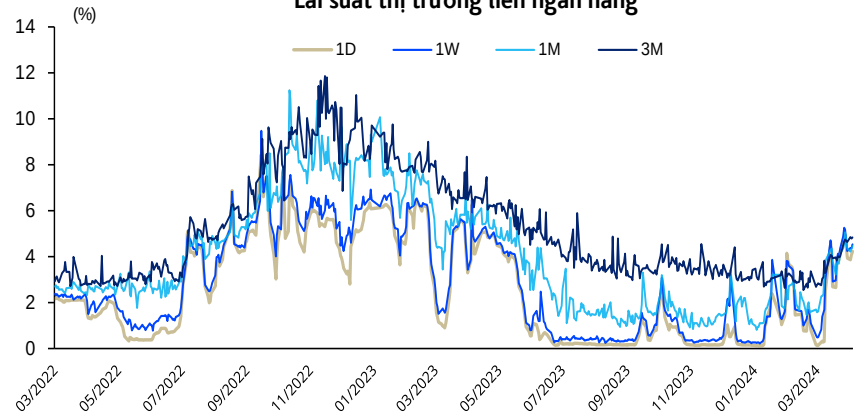
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	101.26	0.5	-3.2	-3.3	-0.1	
VND/USD	24,872	-0.4	-1.6	-2.3	2.5	
KRW/USD	1,333.65	0.3	-3.7	-3.3	3.5	
JPY/USD	145.03	0.5	-5.1	-7.5	2.8	
EUR/USD	0.90	0.9	-2.5	-2.3	-0.5	
SGD/USD	1.30	0.1	-3.0	-3.6	-1.4	
CNY/USD	7.09	-0.4	-2.1	-2.0	-0.2	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	76.34	2.0	2.2	-2.0	6.5	
Xăng	226.41	-0.9	-5.2	-5.8	7.7	
Gas	2.14	6.0	0.8	-16.7	-14.8	
Than	145.00	-1.2	3.5	1.8	-1.0	
Vàng	2,524.89	0.5	4.7	7.8	22.4	
Bạc	29.56	-0.9	4.1	-5.2	24.2	
Platinum	946.75	-2.0	-1.7	-8.0	-4.6	
Quặng sắt	98.63	0.4	-7.5	-16.2	-27.7	
Thép cán	3,232.00	1.9	-6.9	-16.1	-20.7	
Lúa mì	525.75	4.7	0.3	-22.8	-16.3	
Ngô	375.00	2.0	-3.5	-16.4	-20.4	

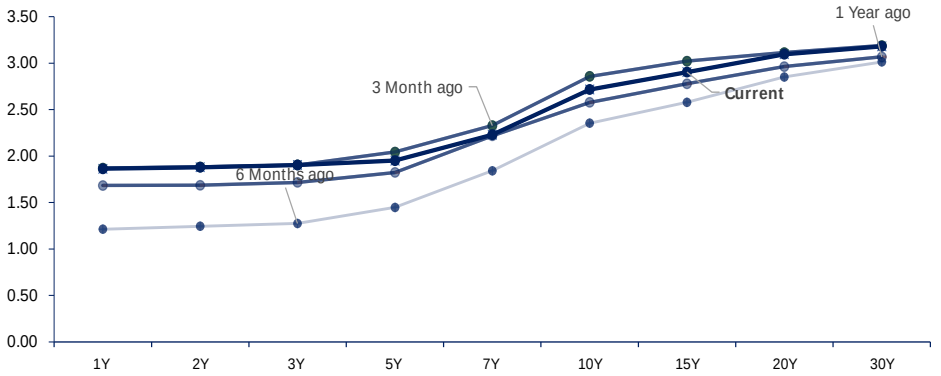
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.86	1.88	1.90	1.95	2.23	2.72	2.90	3.02	2.58
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.20	-0.40	0.10	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.